**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

🙞∙∙∙☼∙∙∙🙜



**BÀI TẬP LỚN**

**MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

**ĐỀ TÀI**

**VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. THỰC TRẠNG PHÒNG, CHỐNG TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THỐNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LỚP L14--- NHÓM 08 --- HK 241**

**NGÀY NỘP 21/09/2024**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Đặng Kiều Diễm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sinh viên thực hiện** | **Mã số sinh viên** | **Điểm số** |
| Trương Quang Nghĩa | 2212243 |  |
| Trần Anh Khôi | 2211696 |  |
| Đào Nguyễn Yến Nhi | 2212419 |  |
| Huỳnh Ngọc Thạch | 2213173 |  |
| Trần Thị Ngọc Linh | 2211866 |  |
| Lương Mạnh Tiến | 2213459 |  |
| Trần Đức Nhơn | 2212454 |  |
| Phạm Công Lý | 2211977 |  |
| Hồ Mạnh Tùng | 2213863 |  |

*Thành phố Hồ Chí Minh – 2024*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG

**BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC NHÓM VÀ BẢNG ĐIỂM BTL**

*Môn:* **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC** *(MSMH: SP1035)*

*Nhóm/Lớp*: 08/L14 *Tên nhóm: Chúng ta cùng tiến HK 241 Năm học 2024*

*Đề tài*:

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. THỰC TRẠNG KẾT HÔN MUỘN Ở GIỚI TRẺ HIỆN NAY

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã số SV** | **Họ** | **Tên** | **Nhiệm vụ được phân công** | **% Điểm**  **BTL** | **Điểm**  **BTL** | **Ký tên** |
| 1 | 2212243 | Trương Quang | Nghĩa | Phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và tổng hợp và chỉnh sửa | 100% |  |  |
| 2 | 2211696 | Trần Anh | Khôi | Chương 1 | 100% |  |  |
| 3 | 2212419 | Đào Nguyễn Yến | Nhi | Chương 1 | 100% |  |  |
| 4 | 2213173 | Huỳnh Ngọc | Thạch | 2.1 | 100% |  |  |
| 5 | 2211866 | Trần Thị Ngọc | Linh | 2.1 | 100% |  |  |
| 6 | 2213459 | Lương Mạnh | Tiến | 2.2 | 100% |  |  |
| 7 | 2212454 | Trần Đức | Nhơn | 2.3 | 100% |  |  |
| 8 | 2211977 | Phạm Công | Lý | 2.3 | 100% |  |  |
| 9 | 2213863 | Hồ Mạnh | Tùng | Phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo tổng hợp và chỉnh sửa | 100% |  |  |

*Họ và tên nhóm trưởng:.................* *Huỳnh Ngọc Thạch.................., Số ĐT: ..................Email*: .............

**Nhận xét của GV:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIẢNG VIÊN**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* | **NHÓM TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

MỤC LỤC

[DANH MỤC BẢNG VIẾT TẮT A](#_Toc178106368)

[PHẦN MỞ ĐẦU 1](#_Toc178106369)

[1. Lí do chọn đề tài 1](#_Toc178106370)

[2. Nhiệm vụ của đề tài 2](#_Toc178106371)

[PHẦN NỘI DUNG 3](#_Toc178106372)

[Chương 1. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 3](#_Toc178106373)

[1.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 3](#_Toc178106374)

[1.1.1. Khái niệm gia đình 3](#_Toc178106375)

[1.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 4](#_Toc178106376)

[1.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 6](#_Toc178106377)

[1.2. Những cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 8](#_Toc178106378)

[1.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 8](#_Toc178106379)

[1.2.2. Cơ sở chính trị và xã hội 9](#_Toc178106380)

[1.2.3. Cơ sở văn hoá 10](#_Toc178106381)

[1.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ 10](#_Toc178106382)

[Chương 2. THỰC TRẠNG VIỆC KẾT HÔN MUỘN Ở GIỚI TRẺ HIỆN NAY 13](#_Toc178106383)

[2.1. Thực trạng lười yêu, ngại cưới ở giới trẻ hiện nay 13](#_Toc178106384)

[2.1.1. Thực trạng lười yêu, ngại cưới 13](#_Toc178106385)

[2.1.2. Nguyên nhân của thực trạng lười yêu, ngại cưới 13](#_Toc178106386)

[2.1.3. Biểu hiện của thực trạng lười yêu, ngại cưới 15](#_Toc178106387)

[2.1.4. Hệ luỵ của thực trạng lười yêu, ngại cưới 16](#_Toc178106388)

[2.2. Xu hướng kết hôn muộn của giới trẻ hiện nay 17](#_Toc178106389)

[2.2.1. Mặt tích cực 17](#_Toc178106390)

[2.2.2. Mặt hạn chế 19](#_Toc178106391)

[2.3. Biện pháp hạn chế xu hướng kết hôn muộn ở giới trẻ hiện nay 23](#_Toc178106392)

[PHẦN KẾT LUẬN 28](#_Toc178106393)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 30](#_Toc178106394)

# DANH MỤC BẢNG VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| Dân tộc thiểu số | DTTS |
| Kinh tế - Xã hội | KT - XH |
| Hôn nhân cận huyết thống | HNCHT |

# PHẦN MỞ ĐẦU

1. **Lí do chọn đề tài**

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, gia đình Việt Nam đã trải qua nhiều biến đổi quan trọng. Những thay đổi này không chỉ phản ánh sự phát triển của xã hội mà còn là kết quả của những chính sách và biện pháp cụ thể nhằm xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và tiến bộ. Gia đình, với vai trò là tế bào của xã hội, đóng góp quan trọng vào quá trình này. Việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội không chỉ là nhiệm vụ của mỗi cá nhân mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Những biến đổi về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội đã tạo ra những thách thức và cơ hội mới cho gia đình Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện đại, việc kết hôn muộn đang trở thành một xu hướng phổ biến ở giới trẻ. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm sự thay đổi trong quan niệm về hôn nhân, áp lực công việc, và mong muốn đạt được sự ổn định về tài chính trước khi lập gia đình. Kết hôn muộn không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân mà còn có những tác động sâu rộng đến xã hội. Việc nghiên cứu thực trạng này giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những thách thức mà giới trẻ đang đối mặt, cũng như tìm ra những giải pháp phù hợp để hỗ trợ họ trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc và bền vững.

Gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên nền tảng của sự phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất mới. Sự thay đổi này không chỉ giúp xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất mà còn tạo điều kiện cho việc thiết lập quan hệ bình đẳng trong gia đình và giải phóng phụ nữ. Hệ thống pháp luật, đặc biệt là Luật Hôn nhân và Gia đình, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi và hạnh phúc của các thành viên trong gia đình. Đồng thời, sự phát triển của hệ thống giáo dục và văn hóa cũng góp phần nâng cao nhận thức và trình độ dân trí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng gia đình văn hóa, tiến bộ.

Thực trạng kết hôn muộn ở giới trẻ hiện nay phản ánh sự thay đổi trong lối sống và quan niệm về hôn nhân. Nhiều bạn trẻ lựa chọn tập trung vào sự nghiệp và phát triển bản thân trước khi nghĩ đến việc lập gia đình. Điều này dẫn đến việc kết hôn muộn, kéo theo những hệ lụy như giảm tỷ lệ sinh, tăng áp lực về sức khỏe sinh sản và ảnh hưởng đến cấu trúc gia đình truyền thống. Tuy nhiên, kết hôn muộn cũng có những mặt tích cực như giúp các cặp đôi có thời gian chuẩn bị tốt hơn về tài chính và tâm lý, từ đó xây dựng gia đình bền vững hơn.

Vì vậy, nhóm chọn đề tài: “Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thực trạng kết hôn muộn ở giới trẻ hiện nay” nhằm phản ánh sự thay đổi trong lối sống và quan niệm về hôn nhân của thời đại, những hệ lụy và biện pháp hạn chế xu hướng này.

1. **Nhiệm vụ của đề tài**

Làm rõ:

Thực trạng lười yêu, ngại cưới ở giới trẻ hiện nay

Xu hướng kết hôn muộn của giới trẻ hiện nay

Biện pháp hạn chế xu hướng kết hôn muộn ở giới trẻ hiện nay.

# PHẦN NỘI DUNG

## Chương 1. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

### Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

#### Khái niệm gia đình

Gia đình là một vấn đề quen thuộc, được thể hiện theo nhiều quan điểm, góc độ khác nhau trong lịch sử. Theo Nho giáo, gia đình là đơn vị kết cấu cơ bản nhất của xã hội, có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định của xã hội, với đạo đức và cuộc sống của con người. Trên quan điểm chủ nghĩa khoa học, C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng: “Quan hệ thứ ba tham dự ngay từ đầu vào quá trình phát triển lịch sử: hằng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi nảy nở - đó là gia đình[[1]](#footnote-1)”. Còn tại Việt Nam hiện nay, kế thừa những lý luận đi trước và quan điểm hiện đại, khái niệm gia đình là “tập hợp những người gắn bó với nhau theo hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau[[2]](#footnote-2)”. Từ đó có thể thấy, cơ sở hình thành gia đình là quan hệ hôn nhân và quan hệ thuyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng. Những mối quan hệ này gắn bó, liên kết, ràng buộc và phụ thuộc lẫn nhau bởi nghĩa vụ, quyền lợi, trách nhiệm của các cá nhân trong gia đình, được quy định bằng pháp lý hoặc đạo lý.

Quan hệ hôn nhân là cơ sở, nền tảng hình thành nên các mối quan hệ khác trong gia đình, là cơ sở pháp lý cho sự tồn tại của mỗi gia đình. Quan hệ huyết thống là quan hệ giữa những người cùng một dòng máu, nay sinh từ quan hệ hôn nhân. Đây là mối quan hệ tự nhiên, là yếu tố mạnh mẽ nhất gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau. Trong gia đình, ngoài hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa cha mẹ với con, còn có các mối quan hệ khác, quan hệ giữa ông bà với cháu chắt, giữa anh chị em với nhau, giữa cô, dì, chú bác với cháu, v.v… Bên cạnh đó, dù hình thành từ hình thức nào, trong mọi gia đình đều tồn tại mối quan hệ nuôi dưỡng. Đó là sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, cả về vật chất lẫn tinh thần. Các quan hệ này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và biến đổi, phát triển phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế và thể chế chính trị - xã hội.

Như vậy, gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

#### Vị trí của gia đình trong xã hội

1. *Gia đình là tế bào của xã hội*

Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội. Với việc sản xuất ra tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tái sản xuất ra con người, gia đình như một tế bào tự nhiên, là một đơn vị cơ sở để tạo nên cơ thể - xã hội. Không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được. “Mối quan hệ mật thiết giữa gia đình và xã hội, quan hệ đó giống như sự tương tác hữu cơ của quá trình trao đổi chất, duy trì sự sống của cơ thể. Xã hội (cơ thể) lành mạnh tạo điều kiện cho các gia đình tiến bộ, gia đình (tế bào) hạnh phúc góp phần cho sự phát triển hài hòa của xã hội[[3]](#footnote-3)”.

Mức độ tác động của gia đình đối với xã hội lại phụ thuộc vào bản chất của từng chế độ xã hội, vào đường lối, chính sách của giai cấp cầm quyền, và phụ thuộc vào chính bản thân mô hình, kết cấu, đặc điểm của mỗi hình thức gia đình trong lịch sử. Vì vậy, trong mỗi giai đoạn của lịch sử, tác động của gia đình đối với xã hội không hoàn toàn giống nhau, gia đình lần lượt biến đổi tương ứng với những giai đoạn phát triển xã hội khác nhau. Chỉ khi con người được yên ấm, hòa thuận trong gia đình thì mới có thể yên tâm lao động, sáng tạo và đóng góp sức mình cho xã hội và ngược lại. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “… nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình[[4]](#footnote-4)”. Chính vì vậy, quan tâm xây dựng quan hệ xã hội, quan hệ gia đình bình đẳng, hạnh phúc là vấn đề hết sức quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

1. *Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên*

Gia đình không chỉ là nơi sinh ra và lớn lên của mỗi cá nhân mà còn là nơi nuôi dưỡng tâm hồn, vun đắp tình cảm và mang lại những giá trị hạnh phúc sâu sắc. Hình ảnh ngôi nhà với mái ấm, bếp lửa luôn gắn liền với gia đình. Đó là nơi mỗi thành viên tìm về sau những giờ làm việc căng thẳng, nơi ta được trút bỏ mọi muộn phiền, được yêu thương và chia sẻ. Chính tình cảm gia đình đã tạo nên một không gian an toàn, giúp mỗi người cảm thấy được bảo bọc và che chở. Hạnh phúc gia đình không chỉ đơn thuần là những bữa cơm đầm ấm, những câu chuyện vui vẻ bên nhau mà còn là sự thấu hiểu, sẻ chia, hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống. Khi các thành viên trong gia đình biết yêu thương, tôn trọng và quan tâm đến nhau, họ sẽ cảm thấy hạnh phúc và hài lòng với cuộc sống của mình. Gia đình còn là nơi mỗi cá nhân được là chính mình, được thể hiện cảm xúc và suy nghĩ của mình một cách tự do. Sự ủng hộ và động viên của gia đình giúp mỗi thành viên tự tin hơn trong cuộc sống, dễ dàng vượt qua khó khăn và đạt được những thành công.

Từ khi còn nằm trong bụng mẹ đến lúc lọt lòng và suốt cả cuộc đời, mỗi cá nhân đều gắn bó chặt chẽ với gia đình. Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển. Sự yên ổn, hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội. Chỉ trong môi trường yên ấm của gia đình, cá nhân mới cảm thấy bình yên, hạnh phúc, có động lực để phấn đấu trở thành con người xã hội tốt. “Trong gia đình, mỗi cá nhân được đùm bọc về mặt vật chất và giáo dục về tâm hồn; trẻ thơ có điều kiện được an toàn và khôn lớn, người già có nơi nương tựa, người lao động có điều kiện để phục hồi sức khỏe và thoải mái tinh thần…Ở đó, hàng ngày diễn ra các mối quan hệ thiêng liêng giữa vợ – chồng, cha – con, anh – em,…những người đồng tâm, đồng cảm, nâng đỡ nhau suốt cả cuộc đời. Khi đó, gia đình thực sự là một tổ ấm thực sự của mỗi con người[[5]](#footnote-5)”.

1. *Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội*

Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của từng người, chỉ trong gia đình mới thể hiện được quan hệ tình cảm thiêng liêng nhất. Tuy nhiên, mỗi cá nhân lại không thể chỉ sống trong quan hệ tình cảm gia đình, mà còn có nhu cầu quan hệ xã hội. Do đó, gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên, cơ bản và nguyên sơ nhất đáp ứng nhu cầu quan hệ xã hội của mỗi người.

Không chỉ là môi trường đầu tiên để cá nhân được đáp ứng nhu cầu xã hội, gia đình còn là môi trường để xã hội tác động ngược lại cá nhân. Nhiều thông tin về xã hội tác động đến con người thông qua gia đình. Xã hội nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về một người khi nhận rõ cả quan hệ xã hội và quan hệ gia đình của người ấy. Nhiều nội dung quản lý xã hội không chỉ thông qua hoạt động của các thiết chế xã hội, mà còn thông qua hoạt động của gia đình để tác động đến con người; nghĩa vụ và quyền lợi xã hội của mỗi người được thực hiện với sự hợp tác chung của các thành viên trong gia đình. Qua đó ý thức công dân được nâng cao và sự gắn bó giữa gia đình và xã hội có ý nghĩa thiết thực.

Đặc điểm của gia đình thay đổi theo từng chế độ xã hội. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, bên cạnh vấn đề giải phóng con người và bình đẳng về nhân quyền, giải phóng phụ nữ và bảo vệ chế độ hôn nhân một vợ một chồng là vấn đề chủ trương về gia đình cần thực hiện. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa[[6]](#footnote-6)”. Vì lẽ đó, quan hệ gia đình trong chủ nghĩa xã hội khác biệt về chất so với các quan hệ phụ hệ, mẫu hệ trong các chế độ xã hội trước đó.

#### Chức năng cơ bản của gia đình

1. *Chức năng tái sản xuất ra con người*

Đây là chức năng đặc thù và quan trọng nhất của gia đình. Chức năng sinh sản hay tái sản xuất con người không chỉ là quy luật tự nhiên của mọi loài mà còn là quy luật xã hội, đáp ứng được nhu cầu về tâm sinh lí, tình cảm của chính bản thân con người. Sức lao động, nguồn nhân lực mà xã hội sử dụng, được cung cấp bởi sản xuất con người. Chức năng này diễn ra trong mọi gia đình và là vấn đề xã hội. Chức năng này sẽ góp phần thay thế những lớp người lao động cũ đã đến tuổi nghỉ hưu, đã hết khả năng lao động linh hoạt, năng động, đảm bảo nguồn cung ứng nhân lực và còn tác động đến sự ổn định, phát triển bền vững của quốc gia. Tùy vào nhu cầu xã hội, chức năng này sẽ được thực hiện theo xu hướng hạn chế hay khuyến khích.

Việc tái sản xuất ra thế hệ trẻ là điều kiện tiên quyết để xã hội tồn tại và phát triển. Một xã hội không có sự sinh sôi nảy nở sẽ dần suy yếu và lụi tàn. Thế hệ trẻ là lực lượng lao động chủ yếu của xã hội. Nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em để trở thành những công dân có ích là một trong những mục tiêu quan trọng của xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó gia đình còn là nơi truyền tải những giá trị văn hóa, đạo đức, truyền thống của dân tộc cho thế hệ trẻ, truyền từ đời này qua đời khác. Điều này giúp duy trì bản sắc văn hóa và tạo nên sự thống nhất trong xã hội.

1. *Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục*

Gia đình là nơi cung cấp cho mỗi cá nhân những điều kiện vật chất cần thiết để sinh tồn và phát triển. Đó là nơi con người được đáp ứng các nhu cầu cơ bản như ăn, mặc, ở, chăm sóc sức khỏe. Tuy nhiên, quan trọng hơn cả, gia đình còn là nơi nuôi dưỡng tâm hồn, nơi con người được yêu thương, che chở và cảm nhận được sự ấm áp của tình thân. Tình yêu thương của gia đình là nền tảng vững chắc để mỗi cá nhân tự tin bước vào cuộc sống. Bên cạnh tái sản xuất con người, gia đình còn có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái thành người có ích cho xã hội. Đây là chức năng rất quan trọng của gia đình, quyết định nhân cách con người, dạy dỗ con hiếu thảo, trở thành công dân có ích cho xã hội vì gia đình là ngôi trường đầu tiên và ở đó cha mẹ là người thầy đầu tiên trong cuộc đời mỗi người. Gia đình là trường học đầu tiên và quan trọng nhất của mỗi người. Tại đây, trẻ em được tiếp xúc với những kiến thức cơ bản đầu đời, được hình thành những thói quen tốt, được rèn luyện những kỹ năng sống cần thiết. Gia đình dạy con về đạo đức, lễ phép, lòng biết ơn, về tình yêu quê hương, đất nước. Qua đó, giúp trẻ hình thành nhân cách tốt đẹp, trở thành những công dân có ích cho xã hội.Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đến cuộc đời của mỗi thành viên, từ lúc lọt lòng cho đến khi trưởng thành và tuổi già. Mặc dù trong xã hội có nhiều cộng đồng khác cũng thực hiện chức năng này, nhưng không thể thay thế được chức năng của gia đình, vì cộng động xã hội đầu tiên là gia đình sẽ quyết định nhân cách, lối sống của từng cá nhân.

Với chức năng này, gia đình góp phần lớn vào việc đào tạo thế hệ trẻ, thế hệ tương lai với nhân cách tốt, đúng theo chuẩn mực xã hội. Vậy, giáo dục của gia đình gắn liền với giáo dục của xã hội. Nếu giáo dục của gia đình không hòa nhập với giáo dục của xã hội, mỗi cá nhân sẽ khó khăn khi hòa nhập với xã hội, và ngược lại, giáo dục của xã hội sẽ không đạt được hiệu quả cao khi không kết hợp với giáo dục của gia đình, không lấy giáo dục của gia đình là nền tảng.

1. *Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng*

Điểm chung giữa gia đình và các đơn vị kinh tế khác trong xã hội là đều tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng. Tuy nhiên gia đình là đơn vị duy nhất sản xuất và tái sản xuất sức lao động cho xã hội. Không chỉ tham gia sản xuất và tái sản xuất của cải vật chất và sức lao động, gia đình còn là một đơn vị tiêu dùng trong xã hội. Đó là việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập để đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần, thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của mỗi thành viên. Bên cạnh đó còn có việc sử dụng khoảng thời gian nhàn rỗi để tạo một môi trường lành mạnh, làm tiền đề cho mỗi con người trước khi tác động tới xã hội. Thực hiện tốt chức năng này không những tạo cho gia đình có cơ sở để tổ chức tốt đời sống, nuôi dạy con cái, mà còn đóng góp to lớn đối với sự phát triển của xã hội. Cũng giống như các chức năng khác, tính tính tế và tổ chức tiêu dùng khác nhau ở từng chế độ, xã hội và thậm chí ở từng gia đình. Vị trí, vai trò kinh tế gia đình so với các đơn vị kinh tế khác trong xã hội cũng không hoàn toàn giống nhau.

1. *Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình*

Gia đình không chỉ là nơi cung cấp các nhu cầu vật chất mà còn là nơi cung cấp sự ấm áp, tình yêu thương và sự hỗ trợ về tinh thần. Gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách, phát triển tình cảm và chuẩn bị cho mỗi cá nhân hòa nhập với xã hội. Sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm, vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người. Do vậy, gia đình là chỗ dựa tình cảm cho mỗi cá nhân, là nơi nương tựa về mặt tinh thần chứ không chỉ là nơi nương tựa về vật chất của con người. Tình cảm gia đình ổn định cũng đồng nghĩa với việc quan hệ tình cảm xã hội ổn định.

Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị... Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người. Với chức năng chính trị, gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách đó. Gia đình là cầu nối của mối quan hệ giữa nhà nước với công dân.

### Những cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

#### Cơ sở kinh tế - xã hội

Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa. Cốt lõi của mối quan hệ sản xuất mới ấy là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất từng bước hình thành và củng cố thay thế chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Nguồn gốc của sự áp bức, bóc lột và bất bình đẳng trong xã hội và gia đình dần dần bị xóa bỏ, tạo cơ sở kinh tế cho việc xây dựng quan hệ bình đẳng trong gia đình và giải phóng phụ nữ trong trong xã hội. V.I. Lênin đã viết: “Bước thứ hai và là bước chủ yếu là thủ tiêu chế độ tư hữu về ruộng đất, công xưởng và nhà máy. Chính như thế và chủ có như thế mới mở được con đường giải phóng hoàn toàn và thật sự cho phụ nữ, mới thủ tiêu được “chế độ nô lệ gia đình” nhờ có việc thay thế nền kinh tế gia đình cá thể bằng nền kinh tế xã hội hoá quy mô lớn[[7]](#footnote-7)”.

Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ. Bởi vì sự thống trị của người đàn ông trong gia đình là kết quả sự thống trị của họ về kinh tế, sự thống trị đó tự nó sẽ tiêu tan khi sự thống trị về kinh tế của đàn ông không còn. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất đồng thời cũng là cơ sở để biến lao động tư nhân trong gia đình thành lao động xã hội trực tiếp, người phụ nữ dù tham gia lao động xã hội hay tham gia lao động gia đình thì lao động của họ đóng góp cho sự vận động và phát triển, tiến bộ của xã hội. Như Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh: “Tư liệu sản xuất chuyển thành tài sản chung, thì gia đình cá thể sẽ không còn là đơn vị kinh tế của xã hội nữa. Nền kinh tế tư nhân biến thành một ngành lao động xã hội. Việc nuôi dạy con cái trở thành công việc của xã hội[[8]](#footnote-8)”

Do vậy, phụ nữ có địa vị bình đẳng với đàn ông trong xã hội. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng là cơ sở làm cho hôn nhân được thực hiện dựa trên cơ sở tình yêu chứ không phải vì lý do kinh tế, địa vị xã hội hay một sự tính toán nào khác.

#### Cơ sở chính trị và xã hội

Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong đó, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động được thực hiện quyền lực của mình không có sự phân biệt giữa nam và nữ. Nhà nước cũng chính là công cụ xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đè nặng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Như V.I.Lênin đã khẳng định: “Chính quyền xô viết là chính quyền đầu tiên và duy nhất trên thế giới đã hoàn toàn thủ tiêu tất cả pháp luật cũ kỹ, tư sản, đê tiện, những pháp luật đó đặt người phụ nữ vào tình trạng không bình đẳng với nam giới, đã dành đặc quyền cho nam giới… Chính quyền xô viết, một chính quyền của nhân dân lao động, chính quyền đầu tiên và duy nhất trên thế giớ đã hủy bỏ tất cả những đặc quyền gắn liền với chế độ tư hữu, những đặc quyền của người đàn ông trong gia đình…[[9]](#footnote-9)”.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa với tính cách là cơ sở của việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thể hiện rõ nét nhất ở vai trò của hệ thống pháp luật, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội… Hệ thống pháp luật và chính sách xã hội đó vừa định hướng vừa thúc đẩy quá trình hình thành gia đình mới trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Chừng nào và ở đâu, hệ thống chính sách, pháp luật chưa hoàn thiện thì việc xây dựng gia đình và đảm bảo hạnh phúc gia đình còn hạn chế.

#### Cơ sở văn hoá

Sự phát triển của hệ thống giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, cung cấp cho các thành viên gia đình kiến thức, nhận thức mới làm nền tảng cho việc hình thành những giá trị chuẩn mực mới làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội[[10]](#footnote-10).

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với những biến đổi căn bản trong đời sống chính trị, kinh tế, thì đời sống văn hóa, tinh thần cũng không ngừng biến đổi. Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội, đồng thời những yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, lối sống lạc hậu do xã hội cũ để lại từng bước bị loại bỏ. Thiếu đi cơ sở văn hóa, hoặc cơ sở văn hóa không đi liền với cơ sở kinh tế, chính trị, thì việc xây dựng gia đình sẽ lệch lạc, không đạt hiệu quả cao.

#### Chế độ hôn nhân tiến bộ

Dựa trên cơ sở tự nguyện dựa trên tình yêu nam nữ, bao gồm quyền tự do ly hôn khi tình yêu không còn, xuất phát từ hôn nhân một vợ - một chồng, vợ chồng bình đẳng và phải bảo đảm về mặt pháp lý.

1. *Hôn nhân tự nguyện*

Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu là khát vọng của con người trong mọi thời đại. Chừng nào, hôn nhân không được xây dựng trên cơ sở tình yêu thì chừng đó, trong hôn nhân, tình yêu, hạnh phúc gia đình sẽ bị hạn chế. Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu dẫn đến hôn nhân tự nguyện. Đây là bước phát triển tất yếu của tình yêu nam nữ, như Ph.Ăngghen nhấn mạnh: “…nếu nghĩa vụ của vợ và chồng là phải thương yêu nhau thì nghĩa vụ của những kẻ yêu nhau há chẳng phải là kết hôn với nhau và không được kết hôn với người khác hay sao?[[11]](#footnote-11)”.Hôn nhân tự nguyện là đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ. Tất nhiên, hôn nhân tự nguyện không bác bỏ việc cha mẹ quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái có nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn.

Hôn nhân tiến bộ còn bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa. Ph.Ăngghen viết: “Nếu chỉ riêng hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu mới  hợp đạo đức thì cũng chỉ riêng hôn nhân trong đó tình yêu được duy trì, mới là hợp đạo đức mà thôi… và nếu tình yêu đã hoàn toàn phai nhạt hoặc bị một tình yêu say đắm mới át đi, thì ly hôn sẽ là điều hay cho cả đôi bên cũng như cho xã hội[[12]](#footnote-12)”. Tuy nhiên, hôn nhân tiến bộ không khuyến khích việc ly hôn, vì ly hôn để lại hậu quả nhất định cho xã hội, cho cả vợ, chông và đặc biệt là con cái. Vì vậy, cần ngăn chặn những trường hợp nông nổi khi ly hôn, ngăn chặn hiện tượng lợi dụng quyền ly hôn và những lý do ích kỷ hoặc vì mục đích vụ lợi.

1. *Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng*

Bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ được, nên hôn nhân một vợ một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu. Thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng phù hợp với quy luật tự nhiên, phù hợp với tâm lý, tình cảm, đạo đức con người.

Hôn nhân một vợ một chồng đã xuất hiện từ sớm trong lịch sử xã hội loài người, khi có sự thắng lợi của chế độ tư hữu đối với chế độ công hữu nguyên thủy. Tuy nhiên, trong các xã hội trước, hôn nhân một vợ một chồng thực chất chỉ đối với người phụ nữ. “Chế độ một vợ một chồng sinh ra tự sự tập trung nhiều của cải vào tay một người,- vào tay người đàn ông, và từ nguyện vọng chuyển của cải ấy lại cho con cái của người đàn ông ấy, chứ không phải của người nào khác. Vì thế, cần phải có chế độ một vợ một chồng về phía người vợ, chứ không phải về phía người chồng[[13]](#footnote-13)”. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng. Trong đó vợ và chồng đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau về mọi vấn đề của cuộc sống gia đình. Vợ và chồng được tự do lựa chọn những vấn đề riêng, chính đáng như nghề nghiệp, công tác xã hội, học tập và một số nhu cầu khác v.v.. Đồng thời cũng có sự thống nhất trong việc giải quyết những vấn đề chung của gia đình như ăn, ở, nuôi dạy con cái… nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc.

Quan hệ vợ chồng bình đẳng là cơ sở cho sự bình đẳng trong quan hệ   giữa cha xu thế mẹ với con cái và quan hệ giữa anh chị em với nhau. Nếu như cha mẹ có nghĩa vụ yêu thương con cái, ngược lại, con cái cũng có nghĩa vụ biết ơn, kính trọng, nghe lời dạy bảo của cha mẹ. Tuy nhiên, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em sẽ có những mâu thuẫn không thể tránh khỏi do sự chênh lệch tuổi tác, nhu cầu, sở thích riêng của mỗi người. Do vậy, giải quyết mâu thuẫn trong gia đình là vấn đề cần được mọi người quan tâm, chia sẻ.

1. *Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý*

Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội. Tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người, xã hội không can thiệp, nhưng khi hai người đã thỏa thuận để đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại. Đây cũng là biện pháp ngăn chặn những cá nhân lợi dụng quyền tự do kết hôn, tự do ly hôn để thảo mãn những nhu cầu không chính đáng, để bảo vệ hạnh phúc của cá nhân và gia đình. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

## Chương 2. THỰC TRẠNG VIỆC KẾT HÔN MUỘN Ở GIỚI TRẺ HIỆN NAY

### Thực trạng lười yêu, ngại cưới ở giới trẻ hiện nay

Thực trạng lười yêu và ngại cưới đã trở thành một hiện tượng phổ biến trong giới trẻ hiện nay. Nhiều người trẻ ngày càng trì hoãn việc bước vào các mối quan hệ nghiêm túc, thậm chí có xu hướng tránh xa hôn nhân.

#### Thực trạng lười yêu, ngại cưới

Trong những thập kỷ gần đây, sự phát triển của xã hội đã mang lại nhiều thay đổi trong lối sống và quan niệm của con người, đặc biệt là giới trẻ. Một trong những hiện tượng nổi bật được quan sát thấy ở nhiều quốc gia trên thế giới là tình trạng "lười yêu", là sự giảm hứng thú trong việc hình thành và duy trì các mối quan hệ tình cảm lâu dài. Hiện tượng này không chỉ xuất hiện ở các nước phát triển mà còn lan rộng tại nhiều nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Trong hơn 30 năm qua, xu hướng hôn nhân và mức sinh ở nước ta thay đổi rất lớn. Tuổi kết hôn tăng mạnh, tỷ lệ kết hôn giảm, mức sinh thấp. Từ năm 1989 - 2022, trung bình độ tuổi kết hôn lần đầu của nam tăng từ 24,4 lên 29 tuổi. Cũng thời gian này, tuổi kết hôn của nữ tăng từ 23,2 lên 24,1 tuổi. Trong khi đó, tỉ lệ kết hôn giảm rõ rệt. Cụ thể, từ năm 1989 - 2019, tỉ lệ nam giới trong độ tuổi 20-24 kết hôn giảm từ 37,6% xuống 19,6%, tức là giảm gần một nửa. Còn đối với nữ, các tỉ lệ này cũng giảm từ 57,5% xuống 44,3%. Đây là những con số đáng báo động, nó phản ánh phần nào thực trạng ngại kết hôn ở Việt Nam. Hãy cùng phân tích nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của thực trạng lười yêu, ngại cưới, đồng thời đưa ra một số suy nghĩ về xu hướng này.[[14]](#footnote-14)

#### Nguyên nhân của thực trạng lười yêu, ngại cưới

Thứ nhất, áp lực từ công việc,  sự nghiệp và tài chính.

Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng lười yêu ở giới trẻ hiện nay là áp lực từ công việc và sự nghiệp. Trong một xã hội hiện đại, sự cạnh tranh về công việc và vị trí xã hội ngày càng gia tăng. Giới trẻ thường ưu tiên phát triển sự nghiệp cá nhân, bởi họ tin rằng một nền tảng tài chính vững chắc sẽ mang lại cuộc sống ổn định và hạnh phúc trong tương lai. Việc duy trì một mối quan hệ thường đòi hỏi sự đầu tư không chỉ về mặt tình cảm mà còn về tài chính. Tuy nhiên, điều này cũng khiến họ không còn đủ thời gian và năng lượng để đầu tư vào các mối quan hệ tình cảm. Công việc đòi hỏi thời gian dài và cống hiến, từ đó tạo ra sự xa cách với các mối quan hệ yêu đương.Nhiều người cảm thấy lo sợ về khả năng ổn định tài chính của mình trong tương lai và do đó trì hoãn việc tìm kiếm một mối quan hệ lâu dài.

Thứ hai, sự đề cao tự do cá nhân.

Tư tưởng độc lập và tôn trọng sự tự do cá nhân ngày càng được coi trọng trong xã hội hiện đại. Nhiều người trẻ không muốn bị ràng buộc bởi trách nhiệm của một mối quan hệ yêu đương, thay vào đó họ lựa chọn sống một cuộc sống tự do, tự chủ và không phụ thuộc vào người khác. Đặc biệt trong hôn nhân thường đi kèm với trách nhiệm to lớn, bao gồm trách nhiệm tài chính, chăm sóc con cái, và duy trì mối quan hệ vợ chồng. Với nỗi sợ mất đi sự tự do, họ có xu hướng tận hưởng cuộc sống cá nhân qua việc du lịch, học hỏi, và theo đuổi sở thích cá nhân mà không cần một mối quan hệ ràng buộc.

Thứ ba, sự thay đổi trong quan niệm về hôn nhân và tình yêu.

Nếu như trước đây hôn nhân và tình yêu được coi là đích đến của một cuộc đời trọn vẹn, thì hiện nay, nhiều người trẻ không còn coi hôn nhân là yếu tố thiết yếu để đạt được hạnh phúc. Họ cởi mở với những mô hình quan hệ mới, chẳng hạn như sống thử hoặc các mối quan hệ không cần sự ràng buộc pháp lý. Tâm lý này dẫn đến việc yêu đương cũng trở thành một lựa chọn chứ không còn là nhu cầu bắt buộc.

Thứ tư, tư tưởng cá nhân.

Những trải nghiệm tiêu cực từ tuổi thơ hoặc các vấn đề về sức khỏe tâm lý là nguyên nhân chính khiến nhiều người ngại kết hôn. Lớn lên trong những gia đình bất hạnh, chứng kiến cha mẹ mâu thuẫn hoặc bạo lực, họ thường mang theo cái nhìn tiêu cực về hôn nhân. Điều này tạo nên nỗi sợ hãi, hoài nghi về khả năng duy trì một mối quan hệ lâu dài. Cùng với đó, căng thẳng, trầm cảm, và các vấn đề tâm lý khác càng khiến họ cảm thấy thiếu tự tin và không sẵn sàng bước vào cuộc sống hôn nhân. Ngoài ra, ở một số vùng địa phương với các thủ tục cưới hỏi phức tạp với những nghi lễ rườm rà cũng là rào cản lớn khiến nhiều người tránh né việc kết hôn.

Thứ năm, ảnh hưởng của công nghệ và mạng xã hội.

Công nghệ, đặc biệt là mạng xã hội và các ứng dụng hẹn hò đã làm thay đổi cách mà con người kết nối và giao tiếp với nhau. Việc dễ dàng tiếp cận và kết nối với nhiều người khác nhau qua mạng xã hội khiến việc tìm kiếm mối quan hệ trở nên không còn quá cấp bách. Mặc dù việc kết nối trở nên dễ dàng hơn, nhưng cam kết lâu dài lại trở nên khó khăn. Nhiều người bị hấp dẫn bởi các mối quan hệ ngắn hạn, thay vì cam kết vào hôn nhân. Bên cạnh đó, truyền thông thường tạo ra những hình ảnh hôn nhân lý tưởng, khiến nhiều người có kỳ vọng không thực tế và dễ cảm thấy thất vọng khi thực tế không như mong đợi.

Trong bối cảnh đó, hôn nhân không còn là lựa chọn hấp dẫn đối với nhiều người, khi mà những rào cản về tâm lý, xã hội, kinh tế và cá nhân ngày càng gia tăng.

#### Biểu hiện của thực trạng lười yêu, ngại cưới

Thực trạng lười yêu biểu hiện qua việc giới trẻ thường né tránh hoặc trì hoãn các mối quan hệ nghiêm túc. Họ có thể tham gia vào các mối quan hệ ngắn hạn, không ràng buộc, nhưng ít người sẵn sàng bước vào một cam kết lâu dài như hôn nhân. Nhiều người trẻ chọn cách sống một mình, dành nhiều thời gian cho công việc, bạn bè và sở thích cá nhân hơn là dành thời gian cho người yêu. Thậm chí, họ có thể cảm thấy việc yêu đương là không cần thiết hoặc quá phức tạp để duy trì.

Theo thống kê của Tổng cục thống kê, tại Việt Nam tỉ lệ người độc thân có xu hướng tăng nhanh, từ 6,2% năm 2004 lên đến 10,1% năm 2019. Độ tuổi kết hôn ở người trẻ cũng đang tăng dần. Tuổi kết hôn trung bình ở nam là 26,2 và ở nữ là 23, cao hơn so với năm 2005 là 25,4 tuổi đối với nam và 22,8 tuổi đối với nữ.

Trong một báo cáo dữ liệu về giới trẻ ở Nhật Bản với câu hỏi “Hãy tưởng tượng khi bạn 40 tuổi” dành cho những đối tượng khảo sát trong độ tuổi 13-29 tuổi nói về tầm nhìn tương lai, có đến 58% trong số đó nghĩ khi đó họ đã có gia đình; ngược lại, gần 40% người được khảo sát cho rằng họ có thể không lập gia đình trong độ tuổi 40. Theo dữ liệu này, tỉ lệ không kết hôn ở những người 40 tuổi vào năm 2040 có thể vượt quá 40%.[[15]](#footnote-15)

Tại Việt Nam, tình trạng người trẻ kết hôn muộn đang là vấn đề được xã hội đặc biệt quan tâm. Mới đây, sau gợi ý của lãnh đạo Bộ Y tế đưa ra trong hội thảo "Mức sinh thấp tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp", cổng Thông tin Chính phủ đã đăng tải thông tin ''vận động nữ, nam thanh niên không kết hôn muộn (khuyến khích kết hôn trước 30 tuổi)" do Bộ Y tế phát động, thu hút sự quan tâm của giới trẻ. Trong khi các bậc làm cha, làm mẹ có con trong độ tuổi kết hôn hết sức ủng hộ và đồng tình với thông tin phát động này thì nhiều người trẻ đã gần 30 tuổi vẫn "bình chân như vại".

#### Hệ luỵ của thực trạng lười yêu, ngại cưới

Thứ nhất, sự cô đơn và thiếu kết nối tình cảm.

Sự tự do và độc lập mang lại nhiều lợi ích cho giới trẻ nhưng cũng có thể dẫn đến cảm giác cô đơn và thiếu kết nối sâu sắc. Dù nhiều người ngại kết hôn, áp lực xã hội về việc lập gia đình vẫn hiện diện, tạo ra mâu thuẫn nội tâm. Việc thiếu đi mối quan hệ tình cảm lâu dài có thể ảnh hưởng xấu đến sức khỏe tinh thần, gây ra cảm giác cô lập, trống rỗng, và dẫn đến lo âu hoặc trầm cảm. Những người chọn sống độc thân thường phải đối mặt với căng thẳng và cảm giác thiếu thốn về mặt tinh thần.

Thứ hai, thay đổi trong cấu trúc xã hội.

Sự thay đổi trong quan niệm về tình yêu và hôn nhân của giới trẻ đang tác động mạnh mẽ đến cấu trúc xã hội, đặc biệt là sự suy giảm của mô hình gia đình truyền thống. Khi nhiều người chọn không kết hôn, những gia đình hạt nhân truyền thống dần nhường chỗ cho các hình thức gia đình khác như gia đình đơn thân hay các mối quan hệ sống chung không hôn thú. Điều này không chỉ làm thay đổi cấu trúc xã hội mà còn ảnh hưởng đến sự ổn định của trẻ em, khi các mối quan hệ không chính thức thiếu ràng buộc pháp lý rõ ràng, dẫn đến khó khăn trong việc đảm bảo quyền lợi và sự hỗ trợ cho trẻ. Đồng thời, việc hôn nhân bị coi nhẹ có thể làm suy giảm các giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức liên quan đến gia đình, gây ra sự thay đổi cách các thế hệ tương lai nhìn nhận về vai trò của hôn nhân. Hệ quả là tính bền vững của cộng đồng bị ảnh hưởng, khi gia đình không còn giữ được vai trò gắn kết quan trọng trong việc xây dựng một xã hội ổn định.

Thứ ba, giảm tỷ lệ kết hôn và sinh con.

Khi giới trẻ ngày càng né tránh việc lập gia đình hoặc trì hoãn kết hôn, tỷ lệ kết hôn giảm mạnh, kéo theo sự sụt giảm số lượng trẻ em sinh ra. Điều này đặc biệt nghiêm trọng ở các quốc gia đã có tỷ lệ sinh thấp, như Nhật Bản hay Hàn Quốc, nơi dân số không chỉ suy giảm mà còn gặp khó khăn trong việc duy trì sự cân bằng giữa các thế hệ. Nếu xu hướng này tiếp tục, các xã hội có thể đối mặt với nguy cơ thiếu hụt thế hệ lao động trẻ, làm mất cân bằng cấu trúc dân số trong tương lai.

Thứ tư, tác động đến kinh tế xã hội.

Khi tỷ lệ sinh giảm và dân số già tăng, nền kinh tế sẽ chịu tác động tiêu cực rõ rệt. Lực lượng lao động giảm dần, khiến tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại. Việc thiếu hụt người lao động trẻ không chỉ ảnh hưởng đến năng suất lao động mà còn làm tăng gánh nặng chăm sóc cho dân số già, tạo áp lực lên hệ thống y tế và an sinh xã hội. Chính phủ phải đối mặt với việc chi tiêu nhiều hơn cho các chương trình hỗ trợ người cao tuổi trong khi nguồn thu thuế từ người lao động giảm. Điều này có thể dẫn đến những bất ổn tài chính và làm suy yếu sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

*Tóm lại*, thực trạng lười yêu và ngại cưới ở giới trẻ hiện nay là kết quả của nhiều yếu tố đa chiều như áp lực công việc, tài chính, sự đề cao tự do cá nhân, cùng với những thay đổi trong quan niệm về hôn nhân và tình yêu. Dù sự nghiệp và quyền tự do cá nhân được coi trọng, việc thiếu vắng các mối quan hệ tình cảm sâu sắc có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực về mặt tinh thần và xã hội, bao gồm sự cô đơn, căng thẳng tâm lý và thay đổi cấu trúc gia đình truyền thống. Về lâu dài, xu hướng này có thể gây ra sự suy giảm tỷ lệ kết hôn, sinh con và ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế xã hội, đặc biệt là trong bối cảnh dân số già hóa. Tuy nhiên, các yếu tố này vẫn có khả năng thay đổi theo thời gian, khi xã hội, công nghệ và văn hóa tiếp tục phát triển, mở ra cơ hội cho những quan điểm mới và cách tiếp cận khác trong việc xây dựng hạnh phúc cá nhân.

### Xu hướng kết hôn muộn của giới trẻ hiện nay

#### Mặt tích cực

Thứ nhất, tự do cá nhân và phát triển bản thân

Kết hôn muộn giúp chúng ta có cơ hội để khám phá bản thân và trải nghiệm cuộc sống một cách tự do hơn . Bạn có thể theo đuổi sở thích cá nhân, du lịch, học tập, và phát triển bản thân trước khi bước vào cuộc sống gia đình.

Trong khoảng thời gian này, mỗi cá nhân có cơ hội theo đuổi đam mê và sở thích cá nhân. Đây là khoảng thời gian lý tưởng để khám phá những sở thích cá nhân, tham gia các hoạt động mà họ thực sự đam mê như du lịch, nghệ thuật, thể thao hoặc tham gia các chương trình học tập để mở rộng kiến thức và kỹ năng.

Tự do về thời gian và không bị ràng buộc bởi trách nhiệm gia đình cũng là cơ hội để mỗi người mở rộng kiến thức và kỹ năng qua việc học tập, tham gia các khoá đào tạo, hoặc trải nghiệm những lĩnh vực mới mà họ có hứng thú. Sự tích lũy kiến thức và kỹ năng này không chỉ giúp họ phát triển cá nhân mà còn tạo ra giá trị trong cuộc sống gia đình sau này.

Thứ hai, trưởng thành về mặt cảm xúc và tinh thần

Khi kết hôn muộn, chúng ta thường đã trải qua nhiều kinh nghiệm cuộc sống hơn,có thời gian để phát triển và chín chắn hơn về mặt tâm lý và cảm xúc từ đó phát triển sự trưởng thành và ổn định về mặt cảm xúc. Điều này giúp bạn xử lý các mâu thuẫn và thách thức trong hôn nhân một cách hiệu quả hơn.

Thứ ba, lựa chọn đối tượng phù hợp hơn

Kết hôn muộn cho phép bạn có thời gian để hiểu rõ hơn về chính mình và những gì bạn cần ở một đối tác. Điều này giúp bạn đưa ra quyết định kết hôn dựa trên sự thấu hiểu và hợp nhau về giá trị sống, thay vì bị ảnh hưởng bởi áp lực xã hội hoặc cảm xúc nhất thời.

Khi trưởng thành hơn, mỗi người thường có cái nhìn rõ ràng hơn về bản thân, biết mình mong muốn gì ở một mối quan hệ và đối tác. Họ có khả năng xác định được những giá trị cốt lõi cần có ở một người bạn đời, như sự đồng điệu về mục tiêu sống, quan điểm về gia đình, hoặc khả năng đồng cảm và chia sẻ.

Thay vì chỉ dựa trên tình yêu lãng mạn, những người kết hôn muộn thường tập trung vào các yếu tố giúp xây dựng một mối quan hệ bền vững, như sự hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống, khả năng hợp tác và giải quyết vấn đề cùng nhau. Họ chú trọng vào sự phù hợp về lối sống, tài chính, cũng như mong muốn về tương lai chung.

Sự trưởng thành về tâm lý, kinh nghiệm sống và cái nhìn thực tế về hôn nhân cho phép mỗi người tìm thấy bạn đời hòa hợp hơn về mọi mặt, từ quan điểm sống đến giá trị chung, góp phần tạo dựng một cuộc sống hôn nhân ổn định và lâu dài.

Thứ tư, ổn định tài chính và sự nghiệp

Kết hôn muộn thường cho phép bạn có thêm thời gian để ổn định sự nghiệp và tài chính. Khi có thêm thời gian để tập trung phát triển sự nghiệp và tích lũy tài chính trước khi lập gia đình, mỗi cá nhân không chỉ có khả năng xây dựng nền tảng kinh tế vững chắc mà còn cảm thấy tự tin hơn khi bước vào hôn nhân.

Khi tự chủ về tài chính trước khi kết hôn, các cá nhân có khả năng tự chủ về tiền bạc, không phụ thuộc vào người bạn đời hoặc các nguồn tài chính khác. Điều này tạo ra sự cân bằng trong hôn nhân và giúp tránh được các mâu thuẫn tiềm ẩn liên quan đến vấn đề kinh tế. Sự ổn định tài chính giúp các cặp đôi tránh được nhiều áp lực về chi tiêu hằng ngày, các khoản nợ hoặc việc phải lo lắng về tài chính ngay sau khi kết hôn.

Khi có nhiều năm trải nghiệm cuộc sống và học hỏi về tài chính cá nhân, những người kết hôn muộn thường có khả năng quản lý tiền bạc một cách thông minh và cẩn thận hơn. Những cặp đôi kết hôn muộn thường có kế hoạch tài chính rõ ràng cho cuộc sống gia đình, từ việc mua nhà, tiết kiệm cho con cái, cho đến các dự định đầu tư dài hạn. Họ biết cách lập kế hoạch chi tiêu, đầu tư, và tiết kiệm cho tương lai, giúp cuộc sống gia đình ổn định và phát triển bền vững.

Thứ năm, quan điểm rõ ràng về cuộc sống gia đình

Kết hôn muộn cho phép bạn và đối tác có những quan điểm rõ ràng và thực tế hơn về các khía cạnh quan trọng của hôn nhân như việc sinh con, giáo dục con cái, và trách nhiệm tài chính, giúp hai bên dễ dàng thảo luận và thống nhất hơn.

Khi trưởng thành hơn và có kinh nghiệm sống phong phú, người kết hôn muộn thường hiểu rõ hơn về vai trò và trách nhiệm của mình trong gia đình, có sự sắp xếp hợp lý trong việc chia sẻ trách nhiệm gia đình, từ việc quản lý tài chính, chăm sóc con cái đến công việc nhà. Sự đồng lòng trong việc đảm bảo trách nhiệm giúp cho gia đình hoạt động hiệu quả và hạn chế xung đột. Mỗi người đã có thời gian để xác định các giá trị gia đình mà họ coi trọng, từ đó chọn lựa đối tác có cùng quan điểm và mong muốn về cuộc sống gia đình. Điều này giúp cặp đôi xây dựng một nền tảng vững chắc dựa trên sự tương đồng về giá trị sống.

Khi đã có thời gian trải nghiệm cuộc sống và qua nhiều mối quan hệ, những người kết hôn muộn có khả năng nhìn nhận thực tế về những khó khăn và thách thức mà cuộc sống gia đình có thể mang lại. Sự trưởng thành và kinh nghiệm sống giúp họ biết cách giải quyết xung đột một cách khéo léo, tránh việc để cảm xúc chi phối dẫn đến những quyết định sai lầm. Họ có khả năng nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ và tìm cách hòa giải thay vì đối đầu.

#### Mặt hạn chế

Mặc dù kết hôn muộn có thể mang lại nhiều lợi ích, nhưng cũng tồn tại một số hạn chế. Những hạn chế chính của việc kết hôn muộn:

Thứ nhất, giảm khả năng sinh sản

Đối với phụ nữ, tuổi tác có ảnh hưởng lớn đến khả năng sinh sản. Sau tuổi 35, khả năng mang thai tự nhiên giảm đáng kể, và xác suất gặp các biến chứng thai kỳ hoặc các vấn đề về sức khỏe của mẹ và bé tăng lên. Ở nam giới, tuổi tác cũng có thể ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản.

Đối với sức khỏe sinh sản của phụ nữ:

1. Suy giảm dự trữ buồng trứng: Đây là yếu tố quan trọng nhất. Phụ nữ sinh ra với một số lượng trứng nhất định, và số lượng này giảm dần theo thời gian. Sau 35 tuổi, tốc độ suy giảm này tăng nhanh. Điều này không chỉ làm giảm số lượng trứng mà còn ảnh hưởng đến chất lượng của chúng, khiến trứng dễ bị tổn thương và khó thụ tinh hơn.

2. Giảm chất lượng trứng: Trứng của phụ nữ lớn tuổi dễ bị lỗi phân chia nhiễm sắc thể hơn, dẫn đến tăng nguy cơ sảy thai, thai chết lưu, và các dị tật bẩm sinh ở trẻ, ví dụ như hội chứng Down.

3. Tăng nguy cơ biến chứng thai kỳ: Phụ nữ lớn tuổi có nguy cơ cao hơn mắc các biến chứng như tiểu đường thai kỳ, tiền sản giật, nhau tiền đạo, sinh non, thai nhỏ so với tuổi thai, và cần phải sinh mổ. Những biến chứng này có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của cả mẹ và bé.

4. Các vấn đề về tử cung: Theo thời gian, tử cung có thể phát triển các u xơ hoặc các vấn đề khác, gây khó khăn cho việc làm tổ của trứng đã thụ tinh.

Đối với sức khỏe sinh sản của nam giới:

Mặc dù ảnh hưởng của tuổi tác đến sức khỏe sinh sản của nam giới ít rõ ràng hơn so với phụ nữ, nhưng vẫn có rủi ro nhất định như:

Giảm chất lượng tinh trùng: Số lượng tinh trùng, khả năng di chuyển của tinh trùng, và hình dạng tinh trùng có thể giảm theo tuổi tác. Điều này có thể làm giảm khả năng thụ thai.

Thứ hai, áp lực từ xã hội và gia đình

Ở nhiều nền văn hóa, kết hôn muộn có thể khiến bạn phải đối mặt với áp lực từ gia đình hoặc xã hội, khiến bạn cảm thấy căng thẳng hoặc lo lắng về việc lập gia đình và sinh con.

Trong nhiều nền văn hóa, có một "độ tuổi lý tưởng" để kết hôn. Khi một người đến tuổi trưởng thành mà chưa lập gia đình, xã hội có thể bắt đầu đưa ra những nhận xét, thậm chí là chỉ trích. Những câu hỏi như: "Bao giờ kết hôn?", "Tại sao vẫn còn độc thân?" có thể tạo ra cảm giác lo lắng hoặc tự ti, đặc biệt là khi xung quanh bạn bè hoặc đồng nghiệp đã lập gia đình.

Gia đình, đặc biệt là cha mẹ và người thân, thường có mong muốn con cái lập gia đình để ổn định cuộc sống. Ở một số nền văn hóa Á Đông, việc kết hôn và có con được coi là một phần quan trọng của sự thành công trong cuộc sống.

Cha mẹ thường mong muốn có cháu để tiếp nối dòng họ hoặc chăm sóc khi về già. Khi con cái không kết hôn theo mong đợi, họ có thể lo lắng, thúc giục, hoặc thậm chí làm áp lực trực tiếp lên con cái. Điều này có thể tạo ra căng thẳng, đặc biệt nếu người đó chưa sẵn sàng hoặc đang gặp khó khăn trong việc tìm bạn đời phù hợp.

Ngoài ra, phụ nữ kết hôn muộn có thể phải đối mặt với một số định kiến tiêu cực, cho rằng họ sẽ khó khăn trong việc sinh con, không còn đủ hấp dẫn hoặc bỏ lỡ "tuổi thanh xuân". Mặc dù những quan điểm này dần thay đổi theo thời gian, nhưng chúng vẫn tồn tại trong một số môi trường.

Thứ ba, vấn đề về sức khỏe thể chất

 Khi tuổi tác tăng lên, nguy cơ mắc các bệnh về sức khỏe cũng cao hơn. Việc kết hôn muộn có thể ảnh hưởng đến khả năng duy trì sức khỏe tốt khi chăm sóc gia đình và con cái. Khi con cái bước vào độ tuổi trưởng thành hoặc còn đang trong giai đoạn học tập và phát triển, cha mẹ có thể đã bước vào giai đoạn tuổi già.Việc chăm sóc và nuôi dạy con khi đã lớn tuổi có thể trở nên mệt mỏi hơn về mặt thể chất.

Người lớn tuổi thường có ít năng lượng và thể lực hơn so với người trẻ tuổi, điều này có thể gây khó khăn trong việc chăm sóc trẻ nhỏ, vốn đòi hỏi rất nhiều năng lượng và sự kiên nhẫn.

Thứ tư, già hóa dân số

Xu hướng kết hôn muộn đồng nghĩa với việc giảm tỷ lệ sinh, dẫn đến già hóa dân số. Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Những người từ 60 tuổi trở lên chiếm 11,9% tổng dân số vào năm 2019 và đến năm 2050, con số này sẽ tăng lên hơn 25%. Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”. Già hóa dân số đặt ra những cơ hội và thách thức về mặt kinh tế, xã hội, đồng thời đòi hỏi quốc gia thực hiện những thay đổi trong nền kinh tế. Già hóa dân số nhanh chóng cũng có thể dẫn đến tình trạng thiếu lao động trong tương lai, cũng như nhu cầu an sinh xã hội ngày càng tăng ở người cao tuổi, đặc biệt là phụ nữ lớn tuổi.[[16]](#footnote-16)

Khi tỷ lệ người sinh ít con do kết hôn muộn tăng, số lượng người trẻ trong độ tuổi lao động giảm xuống. Điều này có thể gây ra tình trạng thiếu hụt lực lượng lao động trong các ngành nghề, làm giảm năng suất lao động và khả năng phát triển kinh tế của quốc gia.

Việc già hóa dân số do kết hôn muộn sẽ làm tăng chi phí chăm sóc sức khỏe, hưu trí, và các dịch vụ xã hội khác, đòi hỏi chính phủ phải tăng cường chi tiêu cho các dịch vụ này. Điều này có thể tạo áp lực lên ngân sách quốc gia và làm giảm đầu tư vào các lĩnh vực khác như giáo dục và cơ sở hạ tầng.

*Thứ năm: Khoảng cách thế hệ với con cái*

Kết hôn và sinh con muộn có thể dẫn đến khoảng cách thế hệ lớn hơn giữa cha mẹ và con cái. Điều này có một số tác động quan trọng lên các mối quan hệ gia đình, giáo dục, và khả năng chăm sóc con cái.

Khi cha mẹ sinh con ở độ tuổi trung niên hoặc muộn hơn, sự khác biệt về lối sống, giá trị, và tư duy giữa cha mẹ và con cái có thể rõ rệt hơn. Cha mẹ lớn tuổi thường có quan điểm sống và suy nghĩ mang tính truyền thống hoặc bảo thủ hơn, trong khi con cái (thuộc thế hệ trẻ) có xu hướng tiếp nhận những quan điểm tiến bộ, hiện đại hơn.

Cha mẹ lớn tuổi có thể gặp khó khăn trong việc hiểu và chia sẻ những mối quan tâm, sở thích, hoặc thách thức mà con cái gặp phải. Ví dụ, việc giải quyết các vấn đề tâm lý, giáo dục, hoặc những thay đổi xã hội của thế hệ trẻ có thể trở nên phức tạp hơn do sự chênh lệch về tuổi tác và kinh nghiệm sống.·

*Thứ sáu: Gánh nặng kép*

Sinh con muộn có thể khiến cha mẹ cùng lúc phải lo cho con cái và chăm sóc cha mẹ già. Điều này tạo ra một "gánh nặng kép", khiến họ phải phân chia thời gian và tài chính để đáp ứng cả nhu cầu của con trẻ lẫn người cao tuổi trong gia đình, tạo ra một thế hệ “bánh mì kẹp”. "Thế hệ bánh mỳ kẹp" (Sandwich Generation) là thuật ngữ do nhà xã hội học người Mỹ Dorothy Miller đặt ra, chỉ nhóm người trung niên (40-50 tuổi) vừa phải chăm sóc bố mẹ già, vừa nuôi dạy con cái.

Thế hệ "bánh mì kẹp" thường phải đối mặt với việc nuôi dạy và chăm sóc con cái, đặc biệt khi con cái đang ở độ tuổi thiếu niên hoặc trẻ nhỏ. Trách nhiệm này bao gồm việc giáo dục, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng nhu cầu tài chính, và hỗ trợ tâm lý cho con cái trong những giai đoạn phát triển quan trọng. Cùng lúc, họ phải lo cho cha mẹ già, những người có thể đang gặp phải các vấn đề về sức khỏe, bệnh tật hoặc cần sự hỗ trợ về tài chính, vật chất, và tinh thần. Việc này có thể bao gồm chăm sóc hàng ngày, đưa cha mẹ đi khám bệnh, quản lý thuốc men và tài chính.

Việc phải gánh vác quá nhiều trách nhiệm từ cả hai phía có thể dẫn đến căng thẳng, mệt mỏi và kiệt sức. Người thuộc thế hệ "bánh mì kẹp" thường phải đối diện với cảm giác áp lực liên tục, thiếu thời gian nghỉ ngơi và phục hồi sức khỏe.

### Biện pháp hạn chế xu hướng kết hôn muộn ở giới trẻ hiện nay

Thứ nhất, làm công tác giáo dục tư tưởng, tổ chức các lớp học phổ cập kiến thức về sinh sản, kết hôn và những lợi ích khi kết hôn sớm

Xu hướng kết hôn muộn của giới trẻ ngày càng chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau, chính vì vậy để có thể khắc phục vấn đề này cần có sự vào cuộc của toàn xã hội trong việc nâng cao nhận thức cho giới trẻ về tầm quan trọng của hôn nhân, gia đình đối với sự phát triển của bản thân, gia đình và xã hội.

Thứ hai, tổ chức các chương trình cũng như đề ra các chính sách khuyến khích kết hôn sớm

Việc thí điểm khuyến khích thanh niên kết hôn trước tuổi 30 nằm trong bối cảnh cụ thể là chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp đến năm 2030 và chỉ áp dụng ở vùng mức sinh thấp. Các quyền công dân được tôn trọng theo quy định của pháp luật và mỗi người đều có quyền lựa chọn, chương trình chỉ khuyến khích.

Các địa phương có chính sách thí điểm khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con, như:

Hỗ trợ mua nhà ở xã hội, thuê nhà

Ưu tiên vào trường công lập

Hỗ trợ chi phí giáo dục trẻ em

Xây dựng kinh tế gia đình.

Những người không muốn kết hôn hoặc kết hôn quá muộn sẽ bị tăng trách nhiệm đóng góp xã hội, cộng đồng.

Địa phương có mức sinh cao tiếp tục vận động người dân không kết hôn và sinh con quá sớm, không sinh quá dày, nhiều con. Khẩu hiệu vẫn là “dừng lại ở hai con để nuôi, dạy cho tốt”

Đặc biệt, việc thí điểm khuyến khích thanh niên kết hôn trước tuổi 30 cũng như mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con được thực hiện, sẽ bãi bỏ quy định của tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị, cộng đồng liên quan đến mục tiêu giảm sinh, tiêu chí giảm sinh con thứ ba trở lên.

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc ký Quyết định số 588 phê duyệt "Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030" trong đó có nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ người dân sớm kết hôn, sinh con.

Mục tiêu của Chương trình nhằm tăng 10% tổng tỷ suất sinh ở các tỉnh, thành phố có mức sinh thấp; giảm 10% tổng tỷ suất sinh ở các tỉnh, thành phố có mức sinh cao. Ngoài ra, chính sách này còn hướng đến việc đảm bảo chất lượng dân số, nguồn nhân lực, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Theo thông tin được Tổng cục Thống kê công bố ngày 19/12/2019, dân số Việt Nam đang ở giai đoạn dân số vàng, cứ 1 người phụ thuộc có 2 người đi làm nhưng tốc độ già hóa đang tăng nhanh. Tỷ lệ người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên ở mức cao, chỉ số già hóa 48,8%, tăng 2 lần so với năm 1999. Việt Nam được đánh giá là nước có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất.

Thứ ba, tổ chức các chương trình ghép đôi giúp khuyến khích các thanh niên đến với nhau một cách lành mạnh, trong sáng

Một phần lí do vì các bạn trẻ còn ngại ngùng trong vấn đề giao tiếp cũng như khó tìm được bạn đời phù hợp. Bên cạnh đó, các app hẹn hò, tìm bạn bè tràn lan, không xác thực, không đảm bảo an toàn thông tin cá nhân.

Vì vậy, cần có thêm các chương trình ghép đôi chính thống để các bạn trẻ yên tâm hơn khi tìm kiếm người bạn đời của mình.

Hiện nay cũng đã có một số chương trình như Bạn muốn hẹn hò, Tư vấn hôn nhân,…Nhưng còn rất ít và hạn chế.

Thứ tư, Chính phủ cần thực hiện một số cải cách liên quan đến an sinh xã hội, bình đẳng giới

"Muốn thúc đẩy thanh niên kết hôn sớm, Chính phủ cần thực hiện các cải cách khác liên quan đến an sinh, phúc lợi xã hội và thúc đẩy bình đẳng giới", TS Khuất Thu Hồng nhận định.

Nhà nước phải có các chính sách tạo điều kiện về việc làm tốt hơn, có những chế độ về nhà ở, đảm bảo thu nhập cho các gia đình.

Ngoài ra, các chi phí về y tế, giáo dục cũng cần được đảm bảo thì nhiều người mới mong muốn được kết hôn. Nếu chỉ kêu gọi đơn thuần nhưng những chính sách về phúc lợi, an sinh xã hội không được cải thiện thì chính sách không thể đạt hiệu quả.

Giới trẻ đều rất thực tế. Ai cũng phải xem xét là bản thân đã có nhà chưa, đã có các khoản tiền để chuẩn bị cho hôn nhân, nuôi con, cho con đi học như thế nào,… thì mới nghĩ đến chuyện kết hôn.

Mức sống của người dân cũng ngày càng cao nên việc khuyến khích người dân kết hôn sớm cũng cần đi kèm các điều kiện để đảm bảo mọi người có một cuộc sống ổn định sau hôn nhân.

|  |
| --- |
|  |
|  |

Bên cạnh đó, việc khuyến khích có con ngay sau khi kết hôn và phụ nữ đẻ 2 con trước 35 tuổi nhưng vẫn duy trì những khuôn mẫu đã cũ, thì vô hình trung chính sách này đang tạo ra những gánh nặng cho người phụ nữ.

Không chỉ sinh con, việc chăm sóc con cái và người già trong nhà cũng được mặc định là của phụ nữ. Do đó, sau khi kết hôn, phụ nữ có những trách nhiệm về chuyện sinh con, thu vén nhà cửa trong khi vẫn phải đi làm để kiếm tiền.

Nếu người đàn ông không thể chia sẻ việc nhà với vợ, đồng thời không có sự thúc đẩy nào về việc thay đổi quan niệm về bình đẳng giới, phụ nữ sẽ không thể giải phóng ra khỏi những trách nhiệm khuôn mẫu như trên. Đây cũng là một trong những lý do khiến nhiều phụ nữ ngại kết hôn và sinh con.

Chính sách khuyến khích kết hôn trước tuổi 30 vô tình tạo ra một mức trần cho giới trẻ, đặc biệt là phụ nữ. Nhiều người phụ nữ muốn phấn đấu cho sự nghiệp, nhưng giờ lại khuyến khích họ đẻ con sớm thì cuối cùng, việc này sẽ tạo ra khoảng cách giữa phụ nữ và nam giới. Bình đẳng giới sẽ không bao giờ đạt được.

Nếu như chính sách kết hôn và có con sớm được đẩy mạnh, thì nên có cả những giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới đi kèm. Vì nếu không phải ràng buộc thì phụ nữ không việc gì phải cưới sớm, đẻ con sớm. Cũng như đàn ông, họ sẽ dành thời gian để phát triển bản thân, sự nghiệp trước.

Thứ năm, tạo tâm lý thoải mái cho giới trẻ về vấn đề kết hôn sớm: Chỉ khuyến khích chứ không bắt buộc

Ở các quốc gia phát triển, Chính phủ có rất nhiều chính sách khuyến khích người dân sinh thêm con như giảm thuế, hưởng trợ cấp hàng tháng cho mỗi đứa con sinh ra,... Tương tự, Việt Nam cũng đang đưa ra các chính sách khuyến khích việc kết hôn, sinh con nhằm đối mặt với xu hướng nhân khẩu học về việc già hóa dân số trong tương lai.

Nhiều quốc gia phát triển khuyến khích người dân sinh thêm con bằng cách giảm thuế, tăng trợ cấp hàng tháng cho mỗi gia đình. Tuy nhiên, chính sách này chắc hẳn sẽ khiến một số bộ phận người dân băn khoăn. Bởi lẽ, những vấn đề như kết hôn hoặc sinh đẻ đều là chuyện của mỗi cá nhân, mọi người có quyền tự quyết định vấn đề đó của mình thay vì được quy định trong chính sách.

Dù vậy, người dân cần hiểu rằng chính sách được đưa ra dưới góc độ của người quản lý đất nước, với mong muốn tạo ra một nền dân số cân bằng. Do đó, chính sách này chỉ có vai trò khuyến khích, kêu gọi và thúc đẩy, chứ không có ý nghĩa bắt buộc.

Mỗi người có quyền hành động theo ước muốn của mình. Tùy vào những kế hoạch cá nhân, mọi người có quyền tự quyết định việc kết hôn hoặc sinh con vì không có chính sách nào ép buộc chúng ta phải thực hiện việc đó.

# PHẦN KẾT LUẬN

Gia đình đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của xã hội, đặc biệt trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Không chỉ là nơi tái sản xuất con người, gia đình còn đảm bảo sự phát triển cả về vật chất và tinh thần cho từng thành viên. Thông qua các chức năng cơ bản như tái sản xuất lao động, giáo dục, kinh tế, và văn hóa, gia đình góp phần tích cực vào việc xây dựng một xã hội mới.

Khi nhận thức xã hội và nền kinh tế ngày càng phát triển, vai trò và vị trí của gia đình cũng được củng cố mạnh mẽ hơn. Trong thời kỳ quá độ, quan hệ gia đình đã có sự chuyển biến lớn từ những mối quan hệ phong kiến và tư hữu lạc hậu sang những quan hệ bình đẳng và công bằng hơn. Mối quan hệ vợ chồng, trước đây dựa trên sự thống trị của người đàn ông, giờ đây được xây dựng trên nền tảng tình yêu và sự tự nguyện, tạo điều kiện cho phụ nữ được giải phóng, khẳng định mô hình gia đình kiểu mới phù hợp với xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, gia đình kiểu mới vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Tàn dư phong kiến, tư hữu và quan niệm gia trưởng vẫn tồn tại. Sự phân biệt giới tính và bất bình đẳng trong gia đình là trở ngại lớn. Để khắc phục, cần có sự nỗ lực đồng bộ từ hệ thống chính trị, pháp luật và xã hội.

Để gia đình thực sự trở thành một tế bào lành mạnh của xã hội, cần có những giải pháp toàn diện và đồng bộ. Trước hết, phải nâng cao nhận thức về vai trò của gia đình trong thời kỳ quá độ, đẩy mạnh giáo dục về bình đẳng giới, hôn nhân tự nguyện, và tình yêu đích thực. Chính sách xã hội cần được hoàn thiện, đồng thời hỗ trợ pháp lý và bảo vệ quyền lợi cho các thành viên, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Việc xây dựng hệ thống pháp luật vững chắc về hôn nhân và gia đình, kết hợp với giáo dục và xã hội hóa lao động gia đình, sẽ giúp đảm bảo quá trình xây dựng gia đình kiểu mới diễn ra suôn sẻ.

Xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một nhiệm vụ thiết yếu và động lực quan trọng cho xã hội mới. Gia đình không chỉ là nơi nuôi dưỡng con người mà còn thể hiện tiến bộ về văn hóa, chính trị và kinh tế. Chỉ khi gia đình trở thành đơn vị xã hội lành mạnh, xã hội mới có thể phát triển bền vững và thịnh vượng.

Tóm lại, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết. Gia đình không chỉ là nơi nuôi dưỡng và phát triển con người mà còn phản ánh tiến bộ về mặt văn hóa, chính trị và kinh tế của xã hội. Chỉ khi gia đình trở thành một đơn vị xã hội lành mạnh, xã hội mới có thể phát triển bền vững và đạt được sự thịnh vượng lâu dài.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), Toàn tập, Nxb CTQG, H.
2. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB: Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Ngô Thọ Phong Vân (05/01/2019). Tảo hôn và hôn nhân cận huyết ở vùng dân tộc thiểu. Truy cập từ: https://s.net.vn/JnIQ
4. Ngọc Ánh (16/09/2021). Tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở 53 dân tộc thiểu số đã giảm nhưng chưa đồng đều. Truy cập từ: https://s.net.vn/od3e
5. Nguyễn Thị Doan (07/10/2015). “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” – chân lý của mọi thời đại. Truy cập từ: <https://s.net.vn/n4L3>
6. TTXVN (28/8/2023). Phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Truy cập từ: <https://s.net.vn/12P5>
7. Thúy Hồng (01/07/2024). Nâng cao nhân thức về tảo hôn và hôn nhân cận huyết từ mô hình “Thủ lĩnh của sự thay đổi. Truy cập từ: https://s.net.vn/59Uh
8. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI(2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t3, tr.41 [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 2, Điều 3, Luật Hôn nhân & Gia đình [↑](#footnote-ref-2)
3. Gia đình và vị trí, vai trò của gia đình trong xã hội hiện đại; Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Vụ gia đình; Trang thông tin điện tử về gia đình; nguồn: [*Gia đình và vị trí của gia đình trong Xã hội hiện đại.*](https://giadinh.bvhttdl.gov.vn/gia-dinh-va-vi-tri-vai-tro-cua-gia-dinh-trong-xa-hoi-hien-dai/#:~:text=Gia%20%C4%91%C3%ACnh%20gi%E1%BB%AF%20vai%20tr%C3%B2,h%E1%BB%99i%20c%C3%B3%20t%C3%ADnh%20s%E1%BA%A3n%20sinh%E2%80%9D.) [↑](#footnote-ref-3)
4. Hồ Chí Minh:*Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.300 [↑](#footnote-ref-4)
5. Gia đình và vị trí, vai trò của gia đình trong xã hội hiện đại; Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Vụ gia đình; Trang thông tin điện tử về gia đình; nguồn: [*Gia đình và vị trí của gia đình trong Xã hội hiện đại.*](https://giadinh.bvhttdl.gov.vn/gia-dinh-va-vi-tri-vai-tro-cua-gia-dinh-trong-xa-hoi-hien-dai/#:~:text=Gia%20%C4%91%C3%ACnh%20gi%E1%BB%AF%20vai%20tr%C3%B2,h%E1%BB%99i%20c%C3%B3%20t%C3%ADnh%20s%E1%BA%A3n%20sinh%E2%80%9D) [↑](#footnote-ref-5)
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.300 [↑](#footnote-ref-6)
7. V.I.Lênin: *Toàn tập, sđd*, t.42, tr.464 [↑](#footnote-ref-7)
8. C.Mác và Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.21, tr.118 [↑](#footnote-ref-8)
9. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,*  t.40, tr.182 [↑](#footnote-ref-9)
10. Phân tích những cơ sở để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (27/01/2024); onthisinhvien.com; Tin tức; nguồn: [Phân tích những cơ sở để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. (onthisinhvien.com)](https://onthisinhvien.com/phan-tich-nhung-co-so-de-xay-dung-gia-dinh-trong-thoi-k-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam-) [↑](#footnote-ref-10)
11. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, sđd,* t.21, tr.125 [↑](#footnote-ref-11)
12. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, sđd,* t.21, tr.128 [↑](#footnote-ref-12)
13. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, sđd,* t.21, tr.118 [↑](#footnote-ref-13)
14. Lao động. (2023); Lý do khiến giới trẻ Việt Nam có xu hướng ngại kết hôn, ngại sinh con. Cơ quan của tổng liên đoàn lao động Việt Nam; nguồn: [*Lý do khiến giới trẻ Việt Nam có xu hướng ngại kết hôn, ngại sinh con.*](https://laodong.vn/xa-hoi/ly-do-khien-gioi-tre-viet-nam-co-xu-huong-ngai-ket-hon-ngai-sinh-con-1268337.ldo) [↑](#footnote-ref-14)
15. Tiền Phong. (2023); Vì sao giới trẻ lười yêu, ngại cưới ?; Cơ quan trung ương của đoàn thiếu niên cộng sản Hồ Chí Minh; nguồn: [*Vì sao giới trẻ lười yêu, ngại cưới?*](https://tienphong.vn/vi-sao-gioi-tre-luoi-yeu-ngai-cuoi-post1588367.tpo) [↑](#footnote-ref-15)
16. UNFPA (2023); Già hóa dân số; Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc tại Việt Nam; Nguồn: [*Già hóa dân số*](https://vietnam.unfpa.org/vi/topics/già-hóa-dân-số#:~:text = Việt Nam là một trong,sang xã hội ) [↑](#footnote-ref-16)